BÀI GIẢNG: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VỀ THƠ VĂN NGUYỄN DU

MÔN: NGỮ VĂN 11

GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY

MỤC TIÊU

- ✓ *Nắm được kiến thức về thơ văn Nguyễn Du*

ĐỀ BÀI - 01

I. ĐỌC HIỂU

TỰ THÁN

Phiên âm:

Sinh vị thành danh thân dĩ suy,

Tiêu tiêu bạch phát mộ phong xuy.

Tính thành hạc hĩnh hà dung đoạn?

Mệnh đẳng hồng mao bất tự tri.

Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng,

Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi.

Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp,

Tất cánh phiêu linh hà xứ quy?

Dịch nghĩa:

Chưa làm nên danh vọng gì, mình đã suy yếu,

Mái tóc cũng lốm đốm bạc, phất phơ trước ngọn gió chiều.

Tính ta vẫn không thay đổi, giống như chân chim hạc, có thể cắt ngắn được sao?

Mệnh ta thì nhẹ tựa lông hồng, mà nào ta có biết!

Trời đất phú cho gian truân từ trong cốt tướng,

Mùa xuân, mùa thu qua đi lại khiến râu tóc thêm bạc

(Thân nay như) ngọn cỏ bồng lìa gốc, trước luồng gió tây thổi mạnh,

Không biết cuối cùng sẽ giạt đến chốn nào?

Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Câu 1: Chỉ ra dấu hiệu nhận biết thể thơ của bài "Tự thán".

Câu 2: Tìm những hình ảnh miêu tả ngoại hình của nhân vật trữ tình trong bài thơ,

Câu 3: Phân tích mối liên hệ giữa thân và tâm của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 4: So sánh hai câu hỏi tu từ trong bài thơ:

Tính thành hạc hĩnh hà dung đoạn?

Tất cánh phiêu linh hà xứ quy?

Câu 5: Từ cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ, hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của những khoảnh khắc tự đối thoại với những người trẻ.

II. VIẾT:

Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bốn câu thơ sau:

Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng,

Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi.

Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp,

Tất cánh phiêu linh hà xứ quy?

Câu 2: Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bức chân dung tinh thần của Nguyễn Du được thể hiện qua bài thơ "Tự thán" (Nguyễn Du).

HƯỚNG DẪN GIẢI - 01

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Căn cứ vào số lượng câu thơ và số lượng chữ trên mỗi dòng thơ

=> Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 2:

- Bạch phát (Mái tóc lốm đốm bạc)
- Truân cốt tướng (tướng mạo gian truân)
- Lão tu mi (râu tóc thêm bạc)

Câu 3:

- "truân cốt tướng" => Tự than về số phận truân chuyên, lận đận.
- Thân già nua, ốm yếu, mong manh >< Nhân cách, khát vọng không suy chuyển

=> Nuối tiếc, bất lực trước sự chảy trôi của thời gian, kiếp người phù du >< Nỗ lực không khuất phục trước hoàn cảnh

Câu 4:

Tính thành hạc hĩnh hà dung đoạn?

Tất cánh phiêu linh hà xứ quy?

- Giống nhau: câu hỏi tu từ để bày tỏ cảm xúc, suy tư => gia tăng sức biểu cảm
- Khác biệt:

+ *Tính thành hạc hĩnh hà dung đoạn:* khẳng định tâm hồn thanh cao, ngay thẳng, không chịu cúi đầu trước nghịch cảnh

+ *Tất cánh phiêu linh hà xứ quy*: bày tỏ nỗi hoang mang, sự chông chênh của nhân vật trữ tình về tương lai vô định của bản thân.

Câu 5:

- Qua bài thơ, nhân vật trữ tình đã đối diện với những khao khát và cả sự bế tắc của bản thân để thấu hiểu chính mình, tìm kiếm ý nghĩa của sự sống.

- Ý nghĩa của những khoảnh khắc tự đối thoại với bản thân: thấu hiểu cảm xúc, khát vọng, lí tưởng sống của bản thân; từ đó, điều chỉnh và hoàn thiện bản thân; cân bằng những trạng thái tích cực và những suy nghĩ tiêu cực để bảo vệ sức khoẻ tinh thần...

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Gợi ý:

a. Phân tích đề:

- Hình thức: bài văn khoảng 600 chữ

- Vấn đề nghị luận: bức chân dung tinh thần của Nguyễn Du

- Phạm vi nghị luận: bài thơ "Tự thán"

b. Tìm ý, lập dàn ý:

- Giới thiệu vị trí đoạn trích, tâm thế của nhân vật trữ tình.

- Phân tích vấn đề nghị luận:

+ 2 câu luận: Nỗi thương thân trước sự éo le của số phận, sự hữu hạn của đời người khiến bao hoài bão trở nên vô nghĩa.

+ 2 câu kết: Nỗi hoang mang, bất lực trước số kiếp vô định của bản thân.

c. Viết bài:

- Triển khai các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng theo dàn ý

- Diễn đạt: đảm bảo tính liên kết, tránh mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp...

Câu 2:

Gợi ý:

a. Phân tích đề:

- Hình thức: bài văn khoảng 600 chữ

- Vấn đề nghị luận: bức chân dung tinh thần của Nguyễn Du

- Phạm vi nghị luận: bài thơ "Tự thán"

c. Tìm ý, lập dàn ý:

- Giới thiệu khái quát phong cách sáng tác của tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Phân tích bức chân dung tinh thần của Nguyễn Du.

- Đánh giá:

+ Nội dung

+ Nghệ thuật

c. Viết bài:

-Triển khai các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng theo dàn ý

-Diễn đạt: đảm bảo tính liên kết, tránh mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp...

ĐỀ BÀI - 02

I. ĐỌC HIỂU

THÚY KIỀU TỪ BIỆT CHA MẸ

Ngoài thì chủ khách dập dìu,
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.
Nhìn càng lã chã giọt hồng,
Rỉ tai nàng mới giãi lòng thấp cao:
"Hổ sinh ra phận thơ đào (1),
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?
Lỡ làng nước đục bụi trong,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già!
Khi về bỏ vắng trong nhà(2),
Khi vào dùng dắng khi ra vội vàng.
Khi ăn khi nói lỡ làng,
Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.
Khác màu kẻ quý người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn.
Thôi con còn nói chi con?
Sống nhờ đất khách thác chôn quê người!"
Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên.
Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruổi xe.
Xót con lòng nặng trì trì,
Trước yên(2) ông đã nằn nì thấp cao (3):
"Chút thân yếu liễu tơ đào,
Rớp nhà (4) đến nỗi giấn vào tôi ngươi.
Từ đây góc bể bên trời,

Nắng mưa thui thủi quê người một thân.

Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân

Tuyết sương che chở cho thân cát đằng"

Chú thích:

(1) Phận thơ đào: phận con gái còn ít tuổi

(2) Khi về bỏ vắng trong nhà: Mã Giám Sinh sau khi đưa dâu về nhà đã để mặc cô dâu một mình trong phòng vắng

(3) Trước yên: yên ngựa của Mã Giám Sinh

(3) Nằn nì thấp cao: van xin lúc tiếng to tiếng nhỏ, ý nói van xin một cách khẩn khoản, tha thiết

(4) Rớp nhà: gia đình gặp cơn hoạn nạn, chuyện không may

Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Câu 1: Xác định vị trí của đoạn trích trên trong mô hình cốt truyện của truyện thơ "Đoạn trường tân thanh"

Câu 2: Hình thức ngôn ngữ được các nhân vật chủ yếu sử dụng trong đoạn trích là gì?

Câu 3: Phân tích tác dụng của phép điệp cấu trúc trong đoạn thơ sau:

Khi về bỏ vắng trong nhà,

Khi vào dùng dắng khi ra vội vàng.

Khi ăn khi nói lỡ làng,

Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.

Câu 4: Vương Ông và Vương Bà đã có những cách ứng xử như thế nào khi tiễn đưa Kiều lên xe hoa? Từ đó, em hiểu được điều gì về tấm lòng của của ông bà đối với con gái?

Câu 5: Từ nội dung văn bản, hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về những cách thức để thể hiện tình yêu thương đối với những người thân yêu.

II. VIẾT:

Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bốn câu thơ sau:

Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng,

Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi.

Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp,

Tất cánh phiêu linh hà xứ quy?

Câu 2: Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bức chân dung tinh thần của Nguyễn Du được thể hiện qua bài thơ "Tự thán" (Nguyễn Du).

HƯỚNG DẪN GIẢI

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1: Vị trí đoạn trích: Gia biến và lưu lạc

Câu 2: Hình thức ngôn ngữ dược các nhân vật chủ yếu sử dụng trong đoạn trích là đối thoại.

Câu 3:

- Điệp từ "khi"

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh cách cư xử thô lỗ, lạnh lùng của Mã Giám Sinh đối với Thuý Kiều.

+ Thể hiện nỗi bất an, lo sợ của Thuý Kiều khi bước vào cuộc hôn nhân này.

+ Tạo nhịp điệu dồn dập cho câu thơ.

Câu 4

- Vương Bà: *Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.*

- Vương Ông: khẩn khoản nhờ cậy Mã Giám Sinh chăm sóc cho con gái mình

=> Họ xót xa, lo lắng cho Thuý Kiều nhưng bất lực vì không thể chở che cho con gái.

Câu 5:

- Đoạn trích đã thể hiện sự hi sinh của Thuý Kiều để bảo vệ gia đình, khắc hoạ tình yêu thương và nỗi bất lực của Vương Ông, Vương Bà khi tiễn đưa con gái bước vào cuộc hôn nhân không có tình yêu.

- Bình luận về cách thức thể hiện tình yêu thương đối với những người thân yêu.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Gợi ý:

a. Phân tích đề:

- Hình thức: đoạn văn khoảng 200 chữ

- Vấn đề nghị luận: tâm trạng của Thuý Kiều

- Phạm vi nghị luận: những lời tâm sự của Thuý Kiều với mẹ.

b. Tìm ý, lập dàn ý:

- Giới thiệu vị trí đoạn trích, hoàn cảnh của của Thuý Kiều.

- Phân tích vấn đề nghị luận:

+ Nỗi đau xót vì không thể tiếp tục chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ.

+ Nỗi bất an, sợ hãi khi bước vào cuộc hôn nhân mang tính chất mua – bán với Mã Giám Sinh.

+ Nỗi tuyệt vọng khi ý thức được cuộc đời mình chỉ còn là những choỗi ngày lưu lạc, số phận mình bế tắc, cùng đường.

- Lí giải tâm trạng của Thuý Kiều: tâm hồn ngây thơ nhưng nhạy cảm của thiếu nữ mới lớn; tấm long hiếu thảo và vị tha

c. Viết bài:

-Triển khai các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng theo dàn ý

-Diễn đạt: đảm bảo tính liên kết, tránh mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp...

Câu 2:

Gợi ý:

a. Phân tích đề:

- Hình thức: bài văn nghị luận khoảng 600 chữ

- Vấn đề nghị luận: giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích "Thuỳ Kiều từ biệt cha mẹ"

b. Tìm ý, lập dàn ý:

- Giới thiệu vị trí đoạn trích, hoàn cảnh của của các nhân vật

+ Vị trí đoạn trích: Gia biến và lưu lạc

+ Hoàn cảnh của Thuý Kiều: phải bán mình chuộc cha và em, hi sinh hạnh phúc để bảo vệ gia đình trong cơn hoạn nạn

- Phân tích vấn đề nghị luận:

+ Giá trị nội dung:

Giá trị hiện thực: Bức tranh xã hội bị chi phối bởi sức mạnh của đồng tiền, gây ra nỗi bất công cay đắng cho người phụ nữ - người tài hoa

Giá trị nhân đạo: Thương xót cho số phận bất hạnh của con người tài hoa – bạc mệnh. Tôn vinh những phẩm chất tốt đẹp của Thuý Kiều. Đồng cảm với tình yêu thương, nỗi lo lắng của Vương Ông, Vương Bà với Thuý Kiều

+ Giá trị nghệ thuật:

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: chú ý tới việc diễn tả tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại.

- Ngôn ngữ bình dị kết hợp với ngôn ngữ bác học.

- Đánh giá: so sánh với những tác phẩm truyện thơ hoặc những tác phẩm văn học trung đại khác cũng viết về người phụ nữ.

c. Viết bài:

-Triển khai các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng theo dàn ý

-Diễn đạt: đảm bảo tính liên kết, tránh mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp...